TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày:28-8-2018
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh

Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nhân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên toà:*

Ông Trần Hoài Phương -Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bùi Thị Lệ D, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P 2, xã BP, huyện CL, tỉnh TV.

- *Bị đơn:* Trần Văn V, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PT, xã P, huyện BĐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 19/3/2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Lệ D trình bày:

Chị và anh Trần Văn V kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện BĐ, tỉnh BT. Quá trình chung sống hạnh phúc sau đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và cả hai đã ly thân đến nay, cả hai sống riêng không có hàn gắn lại tình cảm. Quá trình chung sống chị với anh V có với nhau 02 con chung Trần Thiên B, sinh ngày: 01/12/2008 và Trần Thiên L, sinh ngày: 25/10/2011. Cháu L chị đang nuôi dưỡng, cháu B anh V đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Bùi Thị Lệ D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Trần Văn V.

- Về con chung: Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Thiên L, sinh ngày: 25/10/2011, đồng ý để anh Trần Văn V được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Thiên B, sinh ngày: 01/12/2008, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai đề ngày 28/6/2018, bị đơn anh Trần Văn V trình bày:

Anh đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị Lệ D, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Thiên B, sinh ngày: 01/12/2008, đồng ý để chị D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, Trần Thiên L, sinh ngày: 25/10/2011, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung: Không có.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền theo Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán vẫn còn vi phạm là gởi Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại chưa đúng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự cần rút kinh nghiệm trong thời gian tới. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Lệ D và anh Trần Văn V. Con chung: Chị D nuôi cháu L, anh V nuôi cháu B, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi lẫn nhau.Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Bùi Thị Lệ D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 20/8/2018, anh Trần Văn V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 28/6/2018. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D, anh V là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị Lệ D và anh Trần Văn V kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện BĐ, tỉnh BT, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai chung sống hạnh phúc sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị D trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm và cả hai đã ly thân đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau, không hàn gắn lại tình cảm. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị D và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị D yêu cầu được ly hôn với anh V và tại bản tự khai ngày 28/6/2018, anh V đồng ý ly hôn với chị D. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh V là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung:

Chị D và anh V khai thống nhất chung sống có với nhau 02 con chung Trần Thiên B, sinh ngày: 01/12/2008 và Trần Thiên L, sinh ngày: 25/10/2011. Hiện nay, chị D nuôi cháo L, anh V nuôi cháu B. Ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Thiên L, sinh ngày: 25/10/2011, chị D đồng ý để anh V được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Thiên B, sinh ngày: 01/12/2008. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng con chung giữa chị D và anh V phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với nguyện vọng của con chung Thiên B trên 07 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị D và anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh V khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Nợ chung: Đơn khởi kiện và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị D khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Bùi Thị Lệ D phải chịu theo luật định là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị chị Bùi Thị Lệ D và anh Trần Văn V.

2. Về con chung:

Chị Bùi Thị Lệ D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Thiên L, sinh ngày: 25/10/2011. Anh Trần Văn V được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Thiên B, sinh ngày: 01/12/2008. Ghi nhận chị D và anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian con chung của chị D và anh V chưa thành niên, anh chị có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Chị D và anh V không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3.Tài sản chung: Chị Bùi Thị Lệ D và anh Trần Văn V khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. Nợ chung**:** Đơn khởi kiện và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị Bùi Thị Lệ D khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Lệ D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015148 ngày 16/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị D đã nộp đủ án phí.

Chị Bùi Thị Lệ D và anh Trần Văn V vắng mặt tại phiên Tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre**;**
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
-UBND xã Phú Thuận;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương